TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La
2. Ông Đồng Văn Diện.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn C, xã N Châu, huyện T, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Chị Lê Thị Y, sinh năm 1999

ĐKHKTT: Thôn C, xã N Châu, huyện T, tỉnh Bắc Giang

Nơi cư trú: Thôn T, xã TL, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Ủy ban nhân dân xã Ngọc Châu, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do ông Trần Toàn T – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật.

(Anh Quyền vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; chị Yến, ông Thắng vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Quyền trình bày*: Anh và chị Lê Thị Y quen biết nảy sinh quan hệ tình cảm dẫn đến chị Yến có thai nên ngày 10/6/2016 anh chị tự nguyện thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã N Châu, huyện T, tỉnh BG. Sau khi kết hôn,

chị Y về nhà anh sinh sống được một thời gian. Mặc dù ở cùng nhà nhưng vợ chồng không có tình cảm, không quan tâm đến nhau. Anh và chị Yến ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến cuối năm 2019 thì chị Y trở về nhà anh sinh sống được khoảng một thời gian thì vợ chồng lại tiếp tục ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hiện chị Y sinh sống tại nhà bố mẹ để ở thôn T, xã TL, huyện LG, tỉnh BG. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Yến sử dụng CMND ghi ngày sinh 10/5/1998 để đăng ký kết hôn nhưng thực tế ngày tháng năm sinh chính xác của chị Yến là ngày 10/8/1999. Đến nay chị Y đã đủ tuổi kết hôn, anh không yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật, không yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh và chị Y mà anh chỉ xin được ly hôn với chị Lê Thị Y. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể có cuộc hôn nhân hạnh phúc nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn c hị Y. Quá trình chung sống giữa anh và chị Yến có 01 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 23/12/2016. Hiện nay cháu N đang ở cùng với chị Y tại nhà ông bà ngoại nên khi ly hôn anh đề nghị Toà án giao cháu N cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Y. Về tài sản chung, công nợ chung anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn chị Lê Thị Yến trong quá trình làm việc với Tòa án chị Yến trình bày như sau:* Chị và anh Quyền được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Châu, huyện T, tỉnh Bắc Giang vào ngày 10/6/2016. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị sử dụng giấy Chứng minh nhân dân ghi ngày sinh là 10/5/1998 để kết hôn với anh Quyền nhưng nay chị xác định ngày sinh chính xác của chị theo Giấy khai sinh gốc là ngày 10/8/1999 và chị đã làm lại Căn cước công dân theo ngày sinh này. Chị đề nghị Tòa án xác định ngày tháng năm sinh của chị là ngày 10/8/1999. Chị cũng thừa nhận trong quá trình chung sống với anh Quyền vợ chồng không có tình cảm nên chị và anh Quyền sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tuy nhiên, nay anh Quyền khởi kiện xin ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn anh Quyền. Lý do chị không đồng ý ly hôn anh Quyền là vì cả chị và anh Quyền theo đạo Thiên Chúa giáo, việc ly hôn sẽ vi phạm quy định của đạo Thiên Chúa giáo. Chị đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Quyền. Về con chung: Giữa chị và anh Quyền có 01 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 23/12/2016. Hiện nay con chung đang ở cùng chị tại nhà bố mẹ đẻ ở Thôn T, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Anh Quyền kiên quyết xin ly hôn thì chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ủy ban nhân dân xã Ngọc Châu, huyện T, tỉnh Bắc Giang do ông Trần Toàn Thắng chức vụ Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật trình bày:* Theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn được lưu tại Ủy ban nhân dân xã, ngày 10/6/2016 anh

Quyền và chị Yến kết hôn tự nguyện, chị Yến được UBND xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nơi chị Yến cư trú) cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ghi chị Lê Thị Yến, sinh ngày 10/5/1998. Địa chỉ đăng ký HTTT: Thôn T, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Tình trạng hôn nhân: Chưa kết hôn. Khi thực hiện đăng ký kết hôn chị Yến ghi tờ khai sinh ngày 10/5/1998 và xuất trình CMND ghi ngày sinh 10/5/1998. Đối chiếu quy định của Luật hôn nhân và gia đình thời điểm chị Yến và anh Quyền kết hôn có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. UBND xã Ngọc Châu đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định về đăng ký kết hôn cho công dân. Tuy nhiên hiện nay chị Yến xác định ngày tháng năm sinh chính xác của chị là ngày 10/8/1999, anh Quyền có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Yến thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Toà án xác minh với UBND xã TL, huyện LG thì xác định chị Lê Thị Y, sinh ngày 10/5/1998 và chị Lê Thị Y, sinh ngày 10/8/1999 là một người. Ngày tháng năm sinh của chịY theo Sổ hộ tịch là ngày10/8/1999.

* Qua xác minh với hai bên gia đình anh chị thể hiện: Anh Q và chị Y có thai trước khi kết hôn, do không có tình cảm nên sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không hoà giải được, anh chị ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Giữa anh Q và chị Y có 01 con chung là cháu Nguyễn ThịN, sinh ngày 23/12/2016. Hiện nay cháu N đang ở cùng chị Y tại nhà bố mẹ đẻ của chịY.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Quyền có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn anh Q vắng mặt (có đơn xin vắng mặt), bị đơn chị Y và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã N Châu do ông Trần Toàn Thắng đại diện theo pháp luật đều vắng mặt (trong quá trình giải quyết vụ án đều có ý kiến xin vắng mặt). Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, mâu thuẫn vợ chồng anh Quyền chị Yến là thực tế, vợ chồng ly thân thời gian dài. Nay xác định, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Yến chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm Tòa án giải quyết chị Yến đã đủ tuổi kết hôn. Anh Quyền kiên quyết xin ly hôn, chị Yến đề nghị Tòa án công

nhận quan hệ vợ chồng. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án: Về quan hệ vợ chồng xử cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Lê Thị Y. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lê Thị Y nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 23/12/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y theo mức 2.000.000đ/01 tháng kể từ ngày 01/8/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử xét (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Q giải quyết: Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Quyền cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Anh Q có đơn khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về con chung, quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định tại thời điểm anh Q và chị Y kết hôn thì chị Y chưa đủ tuổi kết hôn, tại thời điểm Toà án giải quyết chị Y đủ điều kiện kết hôn, chị Y đề nghị Toà án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp, anh Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Lê Thị Y hiện nay đang cư trú tại thôn T, xã TL, huyện LG, tỉnh BG. Do đó xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Y và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã N Châu, huyện T, tỉnh BG do ông Trần Toàn Thắng, chức vụ Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật đều vắng mặt nhưng đã có ý kiến xin vắng mặt trong quá trình làm việc với Toà án. Hội đồng xét xử

căn cứ Điều 227, 228 và 328 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt tất cả các đương sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân : Anh Nguyễn Văn Quyền và chị Lê Thị Yến được tự do tìm hiểu và tự nguyên đăng ký kế t hôn tại UBND xã Ngọc Châu, huyện T, tỉnh Bắc Giang vào ngày 10/6/2016. Khi đó, chị Lê Thị Y khai chị sinh ngày 10/5/1998 để đủ tuổi kết hôn nhưng thực tế chị Y sinh ngày 10/8/1999 như trong Căn cước công dân của chị và Sổ h ộ khẩu. Do đó, khi anh chị đăng ký kết hôn thì anh Q đã đủ tuổi kết hôn còn chị Y mới 16 tuổi 10 tháng, chưa đủ tuổi kết hôn đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình : *"a…., nữ từ đủ 18 tuổi trở lên"* nhưng anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N Châu, huyện T, tỉnh BG là đảm bảo quy định về việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc , nguyên nhân là do vợ chồng không có tình cảm nhưng vì có thai trước khi kết hôn nên phải cưới , anh chị không quan tâm , chia sẻ với nhau trong cuộc sống , sống ly thân một thời gian dài. Hiện nay mỗi người một nơi . Nay chị Y đã đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật , anh Q không yêu cầu Toà án công nhận quan hệ hôn nhân , không yêu cầu Toà án huỷ kết hôn trái pháp luật mà yêu cầu Toà án giải quyế t cho anh ly hôn chị Y, chị Y đề nghị Toà án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Q. Anh Q xác định giữa anh và chị Y không có tình cảm, không thể duy trì hôn nhân hạnh phúc, anh không có mong muốn hàn gắn tình cảm với chị Y. Hội đồng xét xử xét thấy : Tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hư ớng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình thì Toà án xử lý như sau:

……

c) Trường hợp ….. có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn".

Như vậy, mặc dù tại thời điểm kết hôn , chị Y chưa đủ tuổi kết hôn , đã vi phạm điều kiện kết hôn nhưng đến nay, chị Y đã đủ tuổi kết hôn, anh Q yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, chị Y đề nghị Toà án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Q vì lý do chị và anh Q đều theo đạo Thiên Chúa giáo, không được phép ly hôn . Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng sống chung thủy, yêu thương tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt, nhưng hôn nhân của anh Q, chị Y không đạt được mục đích đó. Anh chị đã ly thân một khoảng thời gian dài, không quan tâm tới nhau khiến tình cảm vợ chồng bị xa cách, không có

khả năng đoàn tụ. Chị Y không đồng ý ly hôn , chị đề nghị Toà án công nhận quan hệ hôn nhân nhưng chị không có biện pháp khắc phục nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh Q kiên quyết xin ly hôn, do đó Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Lê Thị Y.

[3.2]. Về con c hung: Vợ chồng anh Q và chị Y có 01 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 23/12/2016. Hiện nay cháu N đang ở cùng chị Y, được chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Q đề nghị Toà án giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng. Chị Y đồng ý nhận nuôi con chung . Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như để ổn định, không gây xáo trộn cuộc sống của cháu N cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Thị N cho chị Lê Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy: Việc nuôi con là trách nhiệm chung của cả bố và mẹ. Cháu Nguyễn Thị N được giao cho chị Y là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, quá trình làm việc với Toà án anh Q trình bày anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo như mức cấp dưỡng mà chị Y yêu cầu. Do đó căn cứ khoản 2, Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lê Thị Y theo mức 2.000.000 đ/01 tháng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các đương sự và con chung. Do không có sự thỏa thuận về thời gian, hình thức, phương thức cấp dưỡng nên thực hiện thời gian cấp dưỡng tính bằng tháng, mỗi tháng một lần, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày 01/8/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Văn Q không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 – Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Anh Nguyễn Văn Q không trực tiếp nuôi con được quy ền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Q và chị Y đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Đối với việc đăng ký kết hôn của UBND xã N Châu, huyện T, tỉnh BG đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Văn Q. Căn cứ vào Sổ đăng ký kết hôn và hồ sơ đăng ký kết hôn còn lưu trữ tại UBND xã N Châu thể hiện: thời điểm chị Y và anh Q làm thủ tục đăng ký kết hôn, nộp

tờ khai đăng ký kết hôn có ghi đầy đủ thông tin cá nhân , giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, chứng minh nhân dân theo Luật hộ tịch nên UBND xã N Châu đã thực hiện kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Q, chị Y theo đúng quy định pháp luật . Việc chị Y khi kết hôn không đủ tuổi , vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình là do chị Y khai không đúng ngày tháng năm sinh của mình và sử dụng chứng minh nhân dân cấp sai ngày tháng năm sinh để đăng ký kết hôn . Vì vậy, việc chứng nhận kết hôn của UBND xã N Châu, huyện T là đúng thẩm Q, không vi phạm về đăng ký kết hôn.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q xin ly hôn và phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về Q kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có Q lợi nghĩa vụ liên qua có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hư ớng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Lê Thị Y.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 23/12/2016 cho chị Lê Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Thị Y theo mức 2.000.000đ/01 tháng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày 01/8/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Văn Q không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 – Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Anh Nguyễn Văn Q không trực tiếp nuôi con được quy ền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012848 ngày 06/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Anh Q còn phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã N Châu, huyên T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm